

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **44** / 2015/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **23** tháng **7** năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về chính sách đặc  
thiệt khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn  
trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2015 – 2020**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND  
ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 18/12/2002;

Căn cứ Luật Thuế đất ngày 29/12/2001;

Căn cứ Nghị định số 66/2004/NĐ-CP ngày 06/6/2004 của Chính phủ quy  
định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 21/2004/NĐ-CP ngày 19/12/2003 của Chính phủ về  
chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHĐT ngày 26/9/2014 của Bộ Kế  
toán và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2004/NĐ-CP ngày  
19/12/2003 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào  
nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 09/3/2013 của Bộ Tài chính  
hướng dẫn việc lập dự toán, thành toán và quyết toán của khách thể trợ doanh  
nghiệp theo Nghị định số 21/2004/NĐ-CP ngày 19/12/2003 của Chính phủ về  
chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 28/7/2011 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách đặc biệt khuyến khích doanh nghiệp đầu tư  
vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2011 – 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số  
496/TT-SNN ngày 14/6/2015,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành bản theo Quyết định này "Quy định về chính sách đặc  
biệt khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh  
Lào Cai, giai đoạn 2015-2020".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**ĐỀ SỐ 3. Chiến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan của các Quyết định thi hành.**

**Nội dung:**

- Văn phòng Chủ tịch tỉnh
- Ủy ban nhân dân tỉnh (UBN) - Ban Tư pháp
- Sở Nông nghiệp và PTNT (Ban KH và CT)
- TH. T.1, UBND xã, (Ban KH và CT)
- TH. UBND xã
- UBND thị trấn, các cơ quan cấp xã
- Ban KH và CT
- Các chi hội, người dân
- Công nhân viên chức
- Ban KH và CT, Ban PT-TN xã
- Liên đội Văn phòng
- Lưu: VT, TH, HN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**QUY ĐỊNH**

**Về chính sách ưu đãi đối tượng khác, ưu đãi đầu tư vào  
nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2015 - 2020**  
(theo theo Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2014  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**Chương 1  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về chính sách ưu đãi đối tượng khác, ưu đãi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2015 - 2020.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Nhà đầu tư nước ngoài và cá nhân có hộ trợ là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Hộ gia đình, cá nhân có hộ trợ là cá nhân kinh doanh, sản xuất, dịch vụ nông nghiệp được ưu đãi và hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Quy định này.

**Điều 2. Chế độ chính sách**

1. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn của phường thuộc thành phố Lào Cai.

2. Lĩnh vực nông nghiệp ưu tiên ưu đãi đầu tư bao gồm những sản phẩm đặc thù Quy định tại các 3.2, khoản 3, điều 1, Nghị quyết 08/2015/NQ-UBND của Hội đồng nhân dân tỉnh:

**a) Sản phẩm nông trại:**

- Sản xuất lúa Đông Xuân, Xuân Hè, cây Trám Đường;
- Cây ăn quả: Mận Tân Hoa, mận Tả Van, M YEN, đào Pháp-chín sớm;
- Cây dược liệu: A-tô, Dương Quy, Tầm thủ, Sa Nhân sâm;
- Phát triển vùng nguyên liệu chế biến thực phẩm (chế biến sản phẩm chế biến thịt, chế biến sữa);

b) Phát triển vùng nguyên liệu chế biến thực phẩm (chế biến sản phẩm chế biến thịt, chế biến sữa);

- Phát triển vùng nguyên liệu cây gia vị (M);

- Sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao.

**b) Sản phẩm chất nước:**

- Sản xuất giồng lợn, giồng gà, giồng trâu Đôn Yên, giồng bò Vàng sông  
sơn;

- Sản xuất và phát triển nguồn gen quý: Lợn đôn bản địa, vịt Sơn Công, vịt  
Nghĩa Đô.

**c) Trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn phục vụ nhà máy chế biến lâm sản.**

3. Dự án trồng nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông  
nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn các huyện của tỉnh Lào Cai.

4. Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông  
nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn nông thôn của thành phố Lào  
Cai.

5. Dự án trồng rau, hoa ứng dụng công nghệ cao là dự án có áp dụng công  
nghệ sản xuất trong nhà lưới, nhà kính kết hợp hệ thống tưới, tạo điều kiện thuận  
lợi để cây trồng phát triển tốt, đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh, bảo  
quản vững chắc và có chức năng marketing để đạt hiệu quả kinh tế cao.

6. Quy mô-chiếm giữ thường xuyên tập trung: Chiếm giữ gia súc, gia cầm tập  
trung với một độ cao, số lượng lớn theo một quy trình khép kín, diễn ra hàng ngày.

7. Lưu động địa phương là lưu động và di chuyển hệ thống đường bộ trên địa  
bàn tỉnh Lào Cai.

8. Hồ sơ gốc là hồ sơ gồm bản chính, hoặc bản sao được công chứng, chứng  
thực theo quy định của Pháp luật.

9. Ngày dự án hoàn thành xây dựng cơ bản là ngày dự án dự án hoàn thành  
được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (ưu quan thời kỳ) nghiệm thu) các  
chỉ tiêu khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, giải thích, nghiệm thu hoàn thành dự  
án được hồ sơ, tài liệu chi tiết, hạng mục, dự án về khoa học công nghệ do Sở Khoa  
học và Công nghệ chủ trì nghiệm thu, nghiệm thu hoàn thành.

**10. Ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động được xác định như sau:**

a) Trường hợp ngày xây dựng thực tế hoàn thành trước hoặc sau ngày dự án  
được duyệt thì tính theo ngày xây dựng thực tế hoàn thành;

b) Trường hợp dự án có chất lượng vượt công trình hoặc giải được xây dựng  
độc lập với nhau thì ngày xây dựng hoàn thành tính theo công hạng mục hoặc giải  
được xây dựng độc lập có. Trường hợp không thể tính riêng được từng hạng mục  
hoặc giải được xây dựng độc lập là thời gian xây dựng hoàn thành được tính theo  
hạng mục công trình có tỷ trọng vốn lớn nhất và đã có sản phẩm được nghiệm thu.

11. Diện tích đất nông nghiệp được cấp của dự án là diện tích đất mà doanh  
nghiệp được Nhà nước giao, cho thuê hoặc diện tích đất do doanh nghiệp làm  
doanh, làm thuê với tư nhân, hộ gia đình và cá nhân hoặc cấp thuê đất do doanh  
nghiệp/cho thuê, mượn của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

12. Nguyên tắc nâng lương của biên chế tại tỉnh gồm nguyên tắc áp dụng của chính phủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Quy định này và xuất phát từ đặc thù tỉnh Lào Cai.

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ khác**

1. Nhà nước ưu tiên xây dựng công nguyên liệu mà có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân được ưu tiên hơn với hỗ trợ, ưu tiên trước.

2. Trong cùng một thời gian, nếu nhà đầu tư và dự án của họ được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu tiên khác nhau thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ, ưu tiên có lợi nhất.

3. Doanh nghiệp được ưu đãi miễn, giảm hoặc hỗ trợ tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy định này khi đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Nghị định 20/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp, nông thôn.

4. Các dự án đã áp dụng vào dự án ưu đãi, vẫn bảo đảm áp dụng của nhà nước; các dự án được hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết số 17/2014/NQ-HĐNH ngày 17/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/8/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định hỗ trợ lãi suất tiền vay ngân hàng của các dự án của tư nhân sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp đối với các huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn tỉnh Lào Cai; không thuộc đối tượng hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ tại Quy định này.

### **3. Lựa chọn hình thức hợp tác hỗ trợ**

Doanh nghiệp được lựa chọn một trong hai hình thức hỗ trợ sau:

a) Hình thức thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành: Nhà đầu tư của dự án được hỗ trợ phải được Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền) phê duyệt thiết kế, dự toán hàng năm, công trình hoặc phê duyệt thiết kế công dự toán của cả dự án trước khi triển khai;

b) Hình thức tự thực hiện: Doanh nghiệp tự phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định trong tự nhiên của hàng năm của tư, gói thầu tự tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ (có thể thuê nhà thầu hoặc không thuê nhà thầu). Trường hợp này doanh nghiệp được thành toán theo định mức hỗ trợ do Ủy ban Sở Nông, nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể.

## **Chương II**

### **CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 4. Miễn, giảm tiền sử dụng đất**

1. Doanh nghiệp và dự án công nghiệp đầu tư ưu đãi của tư nhân được Nhà nước giao đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án của họ.

2. Doanh nghiệp có dự án công nghiệp ưu đãi đầu tư vẫn được Nhà nước giảm thuế từ được giảm 70% của số thuế đã phải nộp ngắn nhất thì nước đầu tư dự án đầu tư đi.

**Điều 8. Miễn, giảm thuế đất đai, thuế mặt nước của Nhà nước**

1. Doanh nghiệp có dự án công nghiệp ưu đãi đầu tư khi thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước thì được áp dụng mức giá thấp nhất của loại đất tương ứng trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, Lào-Chai quy định tại thời điểm thuê đất, thuê mặt nước.

2. Doanh nghiệp có dự án công nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

3. Doanh nghiệp có dự án công nghiệp ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

4. Doanh nghiệp có dự án công nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án công nghiệp ưu đãi đầu tư, được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở cho công nhân, dân trong công nhân và thế phụ vụ phúc lợi công cộng.

**Điều 9. Hỗ trợ thuế đất, thuế mặt nước của Bộ gia đình, xã nhân**

1. Doanh nghiệp có dự án công nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư vẫn thuê đất, thuê mặt nước của bộ gia đình, xã nhân thì được miễn dự án đầu tư đó thì được Nhà nước hỗ trợ 20% của thuế đất, thuê mặt nước theo quy định tại khoản 1 Điều 3-Quy định này của 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành xây dựng và vận.

2. Khuyến khích Doanh nghiệp có dự án công nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án công nghiệp ưu đãi đầu tư tích tụ đất hình thành vùng nguyên liệu không qua khâu thuế bộ gia đình, xã nhân góp vào bảng quyền sử dụng đất đối với các dự án không thuộc trường hợp Nhà nước thu tiền đất.

**Điều 10. Miễn, giảm tiền sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng**

1. Doanh nghiệp có dự án công nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư vẫn trong quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải được được miễn nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất có thực hiện dự án theo quy định tại Quy định này.

2. Doanh nghiệp có dự án công nghiệp ưu đãi đầu tư vẫn trong quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải được được giảm 50% tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất có thực hiện dự án theo Quy định này.

**Điều 11. Hỗ trợ chi phí tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học công nghệ**

1. Doanh nghiệp có dự án công nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước, triển lãm, áp dụng và được hỗ trợ chi phí một lần và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng, trình kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành.

Trường hợp doanh nghiệp quyết định lao động chỉ hạn chế qua biên lao động và đang sinh sống trong khu vực có rừng đặc dụng đã được tạo ra và sử dụng, giúp phân bổ và rừng đặc dụng thì doanh nghiệp được hỗ trợ chi phí đầu tư tạo lập một lần tại doanh nghiệp cho mỗi lao động là 01 (một triệu đồng) tháng.

b) Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và chi phí vận chuyển phương tiện thông tin đại chúng; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ cơ quan các tỉnh thành, nơi của Nhà nước;

c) Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án, hoặc doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án; được hỗ trợ 50% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án của mỗi tài nguyên.

2. Các khoản hỗ trợ như tại Điều 4 và 5 Khoản 1 Điều này được áp dụng theo quy định của pháp luật. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án chỉ áp dụng quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 01 (một) tỷ đồng/dự án. Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, các hỗ trợ này được tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp khi quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các khoản hỗ trợ đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 4, Khoản 1 Điều này được hỗ trợ chỉ áp dụng quá 01 (một) tỷ đồng/dự án.

### **Điều 5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chính mỗi gia đình**

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chính mỗi gia đình quy mô mỗi tập trong trường quyết định nghĩa nhân dân được hỗ trợ như sau:

a) Dự án đầu tư sản xuất giống lợn Hòa Bình, lợn Vàng rừng sau có quy mô mỗi trường quyết định từ 100 con trở lên được hỗ trợ 1,3 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý chất thải, điện, nước, chống trộm, đồng cỏ và mua thiết bị;

b) Sản xuất và phân phối giống lợn Đanholm được hỗ trợ 1,3 tỷ đồng/dự án chính mỗi lợn nái sinh sản, có quy mô mỗi trường quyết định từ 100 con trở lên để xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý chất thải, điện, nước, chống trộm và mua thiết bị;

c) Dự án đầu tư chính mỗi lợn nái sinh sản tập trung, quy mô mỗi trường quyết định từ 100 con trở lên được hỗ trợ 01 (một) tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý chất thải, điện, nước, chống trộm và mua thiết bị.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải báo cáo các điều kiện sau đây:

a) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận của pháp đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh của tỉnh của quy hoạch được duyệt;

b) Báo cáo về tình thế y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường;

c) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

**Điều 10. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chất lượng gia cầm**

1. Dự án bảo tồn và phát triển nguồn gen giống vịt Tân Châu và giống vịt Ngàn Bè đối với doanh nghiệp có quy mô nuôi thương phẩm 2.000 con vịt giống mỗi năm với chi được hỗ trợ 04 (mười) tỷ đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở chăn nuôi, thức ăn, thuốc, chăm sóc và mua thiết bị.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải báo cáo các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 9 Quy định này.

**Điều 11. Hỗ trợ đầu tư sản xuất sản phẩm trứng vịt**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư sản xuất công nghiệp quy mô tập trung được nhận sách chỉ nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ dự án trồng lúa đặc sản (Sông Cũ, Khảo Nệm Xù, nếp Thám Chương) của doanh nghiệp có quy mô tập trung từ 100 ha trở lên; hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và 70% chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu khép kín, xử lý, chế biến và đóng gói; tổng mức hỗ trợ tối đa 02 (hai) tỷ đồng/ha.

b) Hỗ trợ dự án trồng cây ăn quả (mãng cầu, bưởi, sầu đâu, mít, nhãn, chôm chôm) của doanh nghiệp có quy mô tập trung từ 50 ha trở lên; hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và 70% chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu khép kín, xử lý, chế biến và đóng gói; tổng mức hỗ trợ tối đa 01 (một) tỷ đồng/ha.

c) Hỗ trợ dự án phát triển vùng nguyên liệu chế biến hương van (chế biến sản phẩm chất tinh chất, chát 8 hương) của doanh nghiệp có quy mô trồng nuôi từ 50 ha trở lên; hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và 70% chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu khép kín; tổng mức hỗ trợ tối đa 01 (một) tỷ đồng/ha.

d) Hỗ trợ dự án phát triển vùng nguyên liệu cây cà của doanh nghiệp có quy mô từ 50 ha trở lên; hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, vật tư và 70% chi phí xây dựng hệ thống tưới tiêu khép kín và mua thiết bị phục vụ sản xuất; tổng mức hỗ trợ tối đa 01 (một) tỷ đồng/ha.

e) Dự án trồng rau, hoa ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp, quy mô từ 10 ha trở lên; diện tích có quy mô tối thiểu 5.000 m<sup>2</sup> được nhận sách hỗ trợ 50.000 đồng/m<sup>2</sup> nhà kính, nhà kính thông dụng và 30.000 đồng/m<sup>2</sup> cơ sở dụng hệ thống tưới tiêu khép kín, mức hỗ trợ tối đa 02 (hai) tỷ đồng/ha.

2. Doanh nghiệp có dự án trồng cây được liệt kê/Annon, Dứa, Quýt, Táo đỏ, Xoài (Hàng năm) có quy mô từ 50 ha trở lên được nhận sách chỉ nước hỗ trợ 10 triệu đồng/ha để xây dựng, chăm sóc, kỹ giống.

3. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này phải báo cáo các điều kiện sau:

a) Phải trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận của pháp luật và của UBND tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt;



b) Được báo cáo an toàn về vệ sinh thực phẩm, báo vệ môi trường theo tiêu quy định của pháp luật;

c) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

**Điều 11. Hỗ trợ bằng rông người lập kế hoạch với nhà máy chế biến lâm sản**

1. Được người có dự án rông rông người lập kế hoạch người sinh tinh hỗ trợ một lần, không quá 05 (năm) triệu đồng/người lập kế hoạch của nhà máy quy định tại thời điểm thực hiện dự án, để mua phần lớn rông rông thực phẩm.

2. Dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Có hợp đồng mua bán sản xuất để cung cấp người lập kế hoạch nhà máy chế biến lâm sản hoặc doanh nghiệp đã có nhà máy chế biến lâm sản, thực hiện dự án rông rông gỗ lớn để cung cấp người lập kế hoạch;

b) Quy mô rông rông, mỗi dự án từ 100 ha trở lên;

c) Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phát triển từ của UBND tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt;

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương.

**Điều 12. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến rông, lâm sản**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến rông, lâm sản; cơ sở sản xuất sản phẩm gỗ quy mô nhỏ thiết bị cơ khí để bảo quản, chế biến rông, lâm sản được người sinh tinh nhà máy hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ không quá 60% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 3 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ bị chế tạo, gia công, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng của dự án.

b) Hỗ trợ không quá 70% chi phí và tỷ chế tạo của các nhà máy chế biến rông, lâm sản quy mô lớn, chi đầu tư, sử dụng nhiều lao động, có thu nhập ổn định kinh tế, sử dụng địa phương.

c) Hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm với mức 1.500 đồng/tấn/km; không tính hỗ trợ được tính từ địa điểm đặt nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến đến trung tâm thành phố đường 1 trục phố chính; khối lượng vận chuyển tính theo rông/mỗi dự án ở nhà máy; hỗ trợ một lần ngay sau khi hoàn thành đầu tư, thời gian tính hỗ trợ là 5 năm.

d) Ngoài hỗ trợ theo quy định tại Điều 9, b Khoản 1 Điều này, nếu dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước địa phương cho dự án thì được hỗ trợ thêm 70% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 3 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng các hạng mục như trên (cả thiết bị dự án rông).

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Mừng, liên tục thuộc danh mục Quy định tại Khoản 2, Điều 3 Quy định này.

b) Giải trí của phần sau chế biến tăng ít nhất 2 lần so với giá trị nguyên liệu chế biến đầu.

c) Hòa tan vào chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và quy mô công suất chế biến theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

d) Nhân công quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận của pháp luật về của Ủy ban nhân dân tỉnh như được có quy hoạch được duyệt.

e) Đào tạo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

g) Dự án không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 14, Nghị định số 206/2015/NĐ-CP ngày 19/12/2015.

h) Nhà đầu tư và dự án chế biến, bảo quản công, liên tục phải có dạng và mức: 10% lao động và 05% nguyên liệu công, liên tục chính tại địa phương.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**ĐIỀU 14.** Nguồn kinh phí và cơ chế thực hiện hỗ trợ, đầu tư

**1. Nguồn kinh phí thực hiện:**

a) Các dự án đầu tư quy định tại Điều 8; Khoản 2 Điều 11; Điều 13 Quy định này và có mức vốn hỗ trợ từ nguồn kinh Trung ương trên 10 tỷ đồng thì nguồn kinh phí thực hiện là vốn hỗ trợ của nguồn kinh Trung ương chỉ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ xã hội nông thôn; nguồn vốn khác; nguồn kinh phí hỗ trợ từ chính 20% mức vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho mỗi dự án.

b) Nguồn các dự án quy định tại điểm a, khoản này, nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ được bổ trợ từ nguồn kinh tỉnh.

c) Tổng mức kinh phí tối đa bổ trợ từ nguồn kinh tỉnh hàng năm 08 năm 2016 đến năm 2020) đã được hiện chính sách là 10 tỷ đồng. Ngoài ra, các huyện, thành phố cần có khả năng nguồn kinh địa phương và khả năng tự động đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để thực hiện chính sách.”

**2. Cơ chế hỗ trợ**

a) Nguồn kinh nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư. Đối với các dự án không thuộc diện được hỗ trợ một lần khi lập dự án đầu tư, gói thầu của dự án hoàn thành thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục, gói thầu, sau khi dự án hoàn thành đầu tư và nghiệm thu thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

b) Phần kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh nhà nước được coi như phần vốn đầu tư của Nhà đầu tư, khi vay vốn từ ngân hàng thương mại để thực hiện dự án đó.

## **Điểm 15. Xây dựng chương trình khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**

### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư và trình nhiệm:**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập danh mục dự án kinh doanh đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức hội nghị khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hoặc đưa vào chương trình hội nghị vào các đầu tư của tỉnh (thời gian tổ chức hội nghị mỗi năm một lần).

### **b) Theo dõi của Ủy ban nhân dân tỉnh:**

- Báo cáo, xin ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các dự án có tính ưu-đặc hỗ trợ và mục tiêu của nghị sách Trung ương;

- Phê duyệt danh mục các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn dự kiến được Nhà nước hỗ trợ đầu tư hàng năm. Danh mục phê duyệt gồm các dự án được Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến thống nhất ưu-đặc ngoài kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và các dự án được hỗ trợ 100% theo chính sách cấp từ ngân sách địa phương.

### **2. Nguyên tắc xây dựng danh mục theo thứ tự ưu tiên như sau:**

a) Dự án gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nông-cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

b) Dự án có xây dựng vùng nguyên liệu, có liên kết với xuất khẩu tiêu thụ với công dân theo Quyết định số 42/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược chuyển đổi phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, cấp dụng, chính đồng liên;

c) Dự án có dụng nhiều lao-động và có nhiều tác-động tích cực về xã hội của địa phương.

## **Điểm 16. Lập kế hoạch hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**

1. Việc lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm từ ngân sách nhà nước các doanh nghiệp và UBND các huyện, thành phố, cơ quan đơn vị liên quan thực hiện công tác điều tra xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách theo quy định gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính.

### **2. Các nội dung kế hoạch:**

a) Hướng dẫn của các cơ quan cấp trên về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm và trung hạn;

b) Các dự án-đề xuất Quyết định hỗ trợ đầu tư;

c) Khả năng huy động của dự án theo tiến độ được phê duyệt.

### **3. Trình tự giao-kế hoạch:**

a) Đối với các dự án đã được chấp thuận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài Chính để tổng hợp;

b) Sau khi Thủ tướng Chính phủ và quyết định giao ngân sách và hỗ trợ từ Kế hoạch và Điều tư giao kế hoạch chỉ tiêu tổng dự án và mức vốn cụ thể theo kế hoạch năm, kế hoạch trung hạn của tỉnh, kế Kế hoạch và Điều tư tham mưu của Ủy ban nhân dân tỉnh tương tác với các chủ đầu tư doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án được ưu đãi, hỗ trợ từ Quỹ đồng bào chí ái để đưa vào kế hoạch của từng năm, lập ngân sách ra, gửi báo cáo dự án.

## **Điều 17. Lập dự toán, thanh toán, quyết toán**

### **1. Dự toán và kinh phí hỗ trợ**

Hàng năm các doanh nghiệp lập dự toán, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ hợp tác xã, hộ nông dân gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Điều tư, Sở Tài chính. Các cơ liên quan thẩm định các nội dung chuyên ngành của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Điều tư, Sở Tài chính phối hợp thẩm định dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kinh phí hỗ trợ trực tiếp đến từng doanh nghiệp; đối với các hợp tác xã, hộ nông dân, kinh phí hỗ trợ được ủy quyền từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện.

2. Các nội dung liên quan đến thanh toán các khoản kinh phí hỗ trợ theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

### **3. Quyết toán các khoản kinh phí hỗ trợ**

a) Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ chủ đầu tư dự án thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên kết;

b) Các khoản kinh phí của dự sau khi thực hiện dự án và quyết toán với cơ quan tài chính phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước.

## **Điều 18. Trình nhiệm vụ các Sở, Ngành, cơ quan theo vị trí liên quan**

### **1. Sở Kế hoạch và Điều tư**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thẩm tra hồ sơ đề nghị với các dự án, phương án, trình UBND tỉnh quyết định ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp các dự án thuộc lĩnh vực của cơ quan mình vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chủ trì tổng hợp, tổng hợp và dự kiến kế hoạch phân bổ các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và mục tiêu cho ngân sách địa phương đối với các dự án của doanh nghiệp và các dự án của hợp tác xã, hộ nông dân theo đề xuất của các huyện, thành phố;

d) Thực hiện theo chỉ, triển khai việc sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với các doanh nghiệp chủ trì vào nông nghiệp, nông thôn.

### **2. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự toán chi ngân sách tỉnh để thực hiện thành công này, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua;

b) Chủ trì hướng dẫn thành viên, quyết toán chi thành vụ chi, hỗ trợ theo Quy định này;

c) Thực hiện theo dõi, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ chi ngân sách tỉnh đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

### **3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp danh mục các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo kế hoạch hàng năm và trung hạn;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu hoàn thành các hạng mục; nghiệm thu dự án hoàn thành;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hỗ trợ đối với các dự án.

### **4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kỹ hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước; trình UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

b) Chủ trì triển khai báo cáo đánh giá tác động môi trường và giám sát việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của các nhà đầu tư theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các Sở Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia nghiệm thu hoàn thành các hạng mục; nghiệm thu dự án hoàn thành.

### **6. Ủy ban Thuế tỉnh Lào Cai**

Hướng dẫn và thực hiện các chế độ ưu đãi thuế sử dụng đất, thuê đất thuê, thuê mặt nước, thuê đất với các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định.

### **7. UBND các huyện, thành phố**

a) Chủ trì, phối hợp với các SA, Ban, người liên quan kiểm tra đầu tư chi đầu tư triển khai thực hiện dự án công viên du lịch ra, kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí được ưu đãi, hỗ trợ đối với hợp tác xã, hộ gia đình. Chịu trách nhiệm quản lý chế độ ưu đãi ưu tiên cơ thành quyền gửi quyết của vướng mắc, khiếu kiện của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân trên địa bàn huyện, thành phố;

b) Hướng dẫn tổng hợp xây dựng dự án hỗ trợ ưu, học ứng dụng nông nghiệp ưu tiên các chế độ ưu đãi hợp tác xã, hộ nông dân; chỉ đạo thực hiện, đánh giá tình hình thực hiện Chính sách, báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và

PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Thời điểm áp dụng: Các chính sách áp dụng thuộc khoản trước, có hiệu lực từ vào ngày ngày, tháng năm tại Quy định này được áp dụng từ ngày 31 tháng 7 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có bất đồng, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải tích hợp giải và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Hoàng**